

Số: **50** /NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày **20** tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 664/QĐ-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025;

Căn cứ Báo cáo số 4654/BC-HĐTĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050;

Xét Tờ trình số 107/TTr-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị thông qua quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với những nội dung chủ yếu sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

Phạm vi lập quy hoạch tỉnh Thái Nguyên là toàn bộ diện tích theo địa giới hành chính tỉnh Thái Nguyên với diện tích tự nhiên 352.196 ha, bao gồm 09 đơn vị hành chính cấp huyện (gồm 03 thành phố thuộc tỉnh và 06 huyện).

Ranh giới lập quy hoạch: Phía Bắc giáp tỉnh Bắc Kạn; phía Nam giáp Thủ đô Hà Nội; phía Tây giáp tỉnh Vĩnh Phúc và tỉnh Tuyên Quang; phía Đông giáp tỉnh Lạng Sơn và tỉnh Bắc Giang.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ CÁC ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

- Quán triệt đường lối, chủ trương, định hướng chiến lược và pháp luật của Nhà nước; Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XX.

- Phát triển kinh tế nhanh và bền vững dựa trên tăng cường thu hút đầu tư; chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh liên kết vùng; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, phát triển công nghệ số và thành tựu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Phát triển xã hội thân thiện, văn minh và hài hòa; kết hợp phát triển kinh tế gắn với bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

- Tập trung đầu tư phát triển và quản lý đô thị theo hướng xanh, thông minh, tiết kiệm tài nguyên năng lượng và bản sắc rõ ràng.

- Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, củng cố quốc phòng, an ninh; giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, mở rộng quan hệ đối ngoại, tăng cường hội nhập và hợp tác quốc tế.

2. Mục tiêu phát triển

2.1. Mục tiêu tổng quát

- Phát huy mọi tiềm năng, lợi thế, nguồn lực để đưa tỉnh Thái Nguyên phát triển nhanh, toàn diện và bền vững.

- Phát triển, xây dựng tỉnh Thái Nguyên bình yên, ấm no, hạnh phúc, thân thiện, bền vững, trở thành một trong những tỉnh giàu có, phồn thịnh ở miền Bắc.

- Đến năm 2030, tỉnh Thái Nguyên trở thành một trong những trung tâm sản xuất điện, điện tử, cơ khí chế tạo trình độ cao, trung tâm giáo dục, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất; trung tâm y tế, chăm sóc sức khỏe; trung tâm du lịch; xây dựng thành phố Thái Nguyên trở thành một trong những cực tăng trưởng hạt nhân quan trọng trong phát triển kinh tế của vùng Trung du và miền núi phía Bắc và vùng Thủ đô Hà Nội.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Về kinh tế

+ Tốc độ tăng trưởng kinh tế thời kỳ 2021 - 2030 đạt khoảng 8% đến 8,5%/năm.

+ Cơ cấu kinh tế GRDP ngành công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 60,0%; ngành dịch vụ chiếm 32,8%; ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 7,2%.

+ GRDP bình quân/người đạt khoảng 8.900 USD (giá hiện hành).

+ Quy mô kinh tế (GRDP) đạt khoảng 13,5 tỷ USD; nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2021 - 2030 khoảng 45 tỷ USD.

+ Tỷ lệ lao động theo ngành kinh tế: Ngành công nghiệp, xây dựng chiếm 37%, ngành nông lâm nghiệp - thủy sản chiếm 27%, ngành dịch vụ chiếm 36%.

- Về văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế:

+ Quy mô dân số đến năm 2030 khoảng 1,52 triệu người.

+ Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 đạt trên 45%, đến năm 2030 đạt trên 60%.

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2030 đạt trên 80%, trong đó đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt khoảng 37%.

+ Tỷ lệ số trường đạt chuẩn quốc gia là 95%.

+ Tỷ lệ bác sỹ/10.000 dân là 19 người.

+ Tỷ lệ giường bệnh/10.000 dân là 60 giường.

+ Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế trên dân số là 98%.

- Về bảo vệ môi trường:

+ Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị đạt theo quy định.

+ 100% các khu, cụm công nghiệp; đô thị có hệ thống xử lý nước thải tập trung; các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường.

+ Tỷ lệ che phủ rừng ổn định khoảng 46% trở lên.

- Về kết cấu hạ tầng: Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại tạo bước đột phá góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trong đó tập trung xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, kết nối với hệ thống giao thông của vùng, quốc gia. Hệ thống cấp điện, cấp nước, thủy lợi an toàn, hiện đại, đồng bộ đáp ứng đầy đủ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt. Kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, đô thị, khu dân cư đảm bảo đồng bộ. Xây dựng và

phát triển cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông, hạ tầng số hiện đại, an toàn. Phát triển hạ tầng phục vụ các khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng. Hệ thống hạ tầng xã hội được quy hoạch và xây dựng đảm bảo chức năng là trung tâm y tế, giáo dục - đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao của vùng.

- Về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội: Gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố thể trận quốc phòng, an ninh, chủ động nắm chắc tình hình, không để bị động, bất ngờ; xây dựng khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc; đảm bảo trật tự kỷ cương, an toàn, bình yên và hạnh phúc của Nhân dân.

2.3. Tầm nhìn phát triển đến năm 2050: Phấn đấu xây dựng tỉnh Thái Nguyên trở thành Thành phố trực thuộc Trung ương, xanh, thông minh, có bản sắc rõ ràng; là một trong những trung tâm công nghiệp hiện đại của vùng Thủ đô Hà Nội và cả nước; nơi đáng sống, đáng đến, an toàn và thịnh vượng.

3. Các đột phá phát triển của tỉnh

(1) Tập trung phát triển cơ sở hạ tầng tại khu vực phía Nam của tỉnh; ưu tiên đầu tư giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất thu hút các nhà đầu tư; phát triển hạ tầng giao thông và khu công nghiệp, đô thị, dịch vụ gắn kết với sự phát triển của vùng Thủ đô Hà Nội.

(2) Đẩy mạnh việc chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số; phát triển kinh tế số, xã hội số và thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh theo hướng ứng dụng công nghệ số, hình thành các doanh nghiệp công nghệ số có sức cạnh tranh trên thị trường; phấn đấu đưa Thái Nguyên trở thành trung tâm chuyển đổi số của khu vực Trung du và miền núi phía Bắc.

(3) Chú trọng phát triển khu vực kinh tế tư nhân, công nghệ cao; khuyến khích hình thành những cụm ngành, cụm sản xuất có sự tương quan trong cùng lĩnh vực làm tiền đề, cơ sở kết nối chuỗi sản xuất, chuỗi sản phẩm, chuỗi giá trị nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

(4) Nâng cao năng lực, hiệu quả của bộ máy hành chính các cấp; đẩy mạnh cải cách hành chính, hướng tới sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp; tập trung nâng cao kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, đặc biệt là đạo đức công vụ.

(5) Quan tâm phát triển nguồn nhân lực địa phương, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; phát huy các lợi thế, thành quả, cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với tiềm năng, thế mạnh của các trường đại học, trung tâm nghiên cứu khoa học, y tế trên địa bàn tỉnh.

(6) Quan tâm, triển khai thực hiện tốt Chương trình xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào các dân tộc thiểu số; phát triển tiềm năng du lịch, nông nghiệp công nghệ cao, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa các vùng dân cư trên địa bàn tỉnh.

III. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng của tỉnh

1.1. Ngành công nghiệp - xây dựng

- Phấn đấu đến năm 2030, Thái Nguyên trở thành một trong những trung tâm kinh tế công nghiệp hiện đại của vùng Thủ đô Hà Nội gắn với phát triển bền vững, có sức lan tỏa, tác động đến phát triển công nghiệp của vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

- Phát triển các cụm ngành công nghiệp cơ khí chế tạo, điện tử và sản xuất kim loại; ưu tiên phát triển các nhóm ngành, sản phẩm công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, có giá trị gia tăng lớn, công nghệ sạch và công nghiệp xuất khẩu dựa trên sản xuất thông minh, công nghệ thông tin và kỹ thuật số. Gắn phát triển công nghiệp với đào tạo nguồn nhân lực và dịch vụ hỗ trợ chất lượng cao: Logistic, tài chính, ngân hàng, bất động sản và công nghệ thông tin và truyền thông,...

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp. Trong đó, ưu tiên thu hút đầu tư phát triển khu, cụm công nghiệp tại khu vực phía Nam của tỉnh.

- Phát triển ngành xây dựng theo hướng hiện đại, đáp ứng các điều kiện về năng lực trình độ chuyên môn, tài chính và nhân lực để có thể chủ động đảm nhiệm được phần lớn các hoạt động từ khảo sát, quy hoạch, thiết kế, thi công, quản lý, kinh doanh thị trường bất động sản, sản xuất vật liệu xây dựng và áp dụng các công nghệ mới.

1.2. Ngành du lịch, dịch vụ

- Xây dựng tỉnh Thái Nguyên trở thành trung tâm thương mại cấp vùng, trung tâm giao thương, kinh tế của vùng Trung du và miền núi phía Bắc và vùng Thủ đô Hà Nội.

- Phát triển du lịch tỉnh Thái Nguyên dựa trên ba thế mạnh là: Du lịch nghỉ dưỡng chất lượng cao vùng Hồ Núi Cốc, Đông Tam Đảo, Di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt An toàn khu (ATK) Định Hóa, Khu di tích Lý Nam Đế; văn hoá trà và các quần thể di tích lịch sử, sinh thái khác trên địa bàn tỉnh.

2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

2.1. Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản

Xây dựng nông nghiệp theo hướng sản xuất an toàn, hữu cơ, công nghệ cao, gắn với các loại hình du lịch sinh thái, trải nghiệm. Tập trung phát triển các cây trồng, vật nuôi có lợi thế của tỉnh; hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực.

2.2. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Phấn đấu để tỉnh Thái Nguyên trở thành một trong những trung tâm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của vùng, có hệ thống thiết chế và

cơ sở hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị hiện đại, đồng bộ; có đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ đủ khả năng tiếp thu, làm chủ, phát triển và chuyển giao các công nghệ tiên tiến, hiện đại hóa công nghệ truyền thống; có nhiều công trình nghiên cứu giá trị trên các lĩnh vực khoa học, công nghệ.

2.3. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

- Phát triển văn hóa, gia đình đảm bảo giữ gìn bản sắc của vùng đất và người Thái Nguyên; bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch bền vững. Ưu tiên tu bổ, tôn tạo các di tích đã xếp hạng bị xuống cấp, các di tích có giá trị phát triển du lịch.

- Giữ vững vai trò tỉnh Thái Nguyên là một trong những trung tâm đào tạo nhân lực có chất lượng cao của cả nước, phấn đấu nằm trong nhóm 10 tỉnh dẫn đầu của cả nước về trình độ, chất lượng phát triển giáo dục và đào tạo, từng bước trở thành trung tâm đào tạo có uy tín ở Đông Nam Á.

- Phát triển ngành y tế theo hướng hiệu quả, chất lượng, bền vững, phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về công tác bảo vệ chăm sóc và nâng cao sức khỏe của Nhân dân; tăng tuổi thọ, nâng cao chất lượng dân số, góp phần cải thiện chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa tại địa phương.

- Huy động tối đa các nguồn lực để hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với các xã đặc biệt khó khăn. Làm tốt công tác đảm bảo an sinh xã hội phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đảm bảo không thấp hơn mức bình quân chung. Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền lồng ghép trong công tác phòng, chống tệ nạn xã hội.

2.4. Quốc phòng, an ninh: Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện; tăng cường khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, không để bị động, bất ngờ và xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống; bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

3. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

- Xây dựng và tổ chức kết nối giao thông đường bộ với các tỉnh, nhất là các tỉnh phía Nam, trong đó có Thủ đô Hà Nội và hệ thống đường cao tốc, đường quốc lộ thông qua tuyến cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên - Bắc Kạn; tuyến cao tốc Vành đai V vùng Thủ đô, đường Hồ Chí Minh; đường liên kết vùng Thái Nguyên - Bắc Giang - Vĩnh Phúc; Quốc lộ 3; Quốc lộ 37; Quốc lộ 3C; Quốc lộ 17,...

Hệ thống đường bộ tỉnh Thái Nguyên sẽ hình thành 03 tuyến trục dọc chính, 04 tuyến trục ngang và 02 đường vành đai trên cơ sở nâng cấp, cải tạo các tuyến đường tỉnh hiện có đạt quy mô đường tối thiểu đạt cấp III, cấp IV miền núi với

02 làn xe; quy hoạch thêm một số tuyến mới nhằm tăng cường kết nối các khu vực trong tỉnh với quy mô tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, 02 làn xe. Đối với các đoạn tuyến đi qua đô thị, đảm bảo quy mô đường đô thị theo quy hoạch đã được phê duyệt.

4. Phương án phát triển năng lượng và mạng lưới cấp điện

Cải tạo, nâng cấp, đường dây 500kV, 220kV, 110kV, xây dựng mới trạm để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, thương mại dịch vụ và đáp ứng nhu cầu cho phát triển kinh tế - xã hội cũng như sản xuất và sinh hoạt của Nhân dân.

5. Phương án phát triển thông tin và truyền thông

- Xây dựng và nâng cấp tuyến truyền dẫn quang liên tỉnh (bao gồm cả tuyến truyền dẫn dự phòng) thuộc các tuyến Hà Nội - Vĩnh Phúc - Thái Nguyên - Tuyên Quang - Bắc Kạn - Lạng Sơn. Xây dựng tuyến truyền dẫn quang nội tỉnh bảo đảm dung lượng cao, kết nối liên huyện, liên vùng.

- Triển khai hạ tầng ngầm hóa các tuyến cáp thông tin ở các tuyến đường mới, khu đô thị, khu công nghiệp. Phát triển cáp quang băng rộng đến 100% thôn/khu/xóm/bản trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số: 100% tác nghiệp của các cơ quan chính quyền các cấp được thực hiện trên môi trường công nghệ số; 100% các dịch vụ hành chính công mức độ 4 đủ điều kiện theo quy định được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; kinh tế số chiếm trên 30% GRDP; 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến sẽ được định danh và xác thực, lưu giữ dưới dạng số hóa làm cơ sở cho việc thực hiện các thủ tục hành chính tiếp theo mà không cần cung cấp hồ sơ trước đó.

6. Phương án phát triển mạng lưới cấp nước

Xây mới và nâng cấp các nhà máy nước tại vùng 1 (vùng thành phố Thái Nguyên và huyện Đại Từ), vùng 2 (bao gồm thành phố Sông Công, thành phố Phổ Yên và huyện Phú Bình), vùng 3 (bao gồm các đơn vị hành chính cấp huyện còn lại) trên địa bàn tỉnh.

7. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi

- Cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi bao gồm các công trình hồ chứa, đập dâng, trạm bơm, kênh mương, đê điều.

- Xây dựng mới một số hồ lớn đảm bảo nhu cầu cấp nước trên địa bàn tỉnh.

8. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải

- Đầu tư xây dựng mới, mở rộng, tăng công suất các khu xử lý chất thải tập trung, đảm bảo 100% khối lượng chất thải sinh hoạt thu gom phải được xử lý đúng quy định, ưu tiên lắp đặt mới lò đốt chất thải hiện đại.

- Đảm bảo các cơ sở xử lý chất thải tại mỗi huyện, thành phố đều đáp ứng nhu cầu xử lý chất thải sinh hoạt trên địa bàn.

9. Phương án phát triển hạ tầng xã hội

a) Phương án phát triển hạ tầng văn hóa, thể thao

Đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế công trình văn hóa, thể thao tỉnh Thái Nguyên đạt chuẩn để tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao trên địa bàn, đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ các giá trị văn hóa, thể thao của các tầng lớp Nhân dân.

b) Phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo

- Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học đối với các cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh (*Đại học Thái Nguyên, các trường đại học, cao đẳng,...*).

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp, tổ chức hình thành trường phổ thông có nhiều cấp học (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông) ở những nơi có điều kiện phù hợp. Nghiên cứu sắp xếp, điều chỉnh lại quy mô lớp học một cách hợp lý, thu gọn các điểm trường lẻ. Khuyến khích xã hội hóa đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống giáo dục ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

c) Phương án phát triển hạ tầng y tế

- Tiếp tục xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng các cơ sở y tế công lập (*Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên; các bệnh viện tuyến tỉnh và tuyến huyện, ...*).

- Nâng cao vai trò quản lý nhà nước về y tế. Đẩy mạnh phát triển các cơ sở khám, chữa bệnh, điều dưỡng ngoài công lập phù hợp với quy định.

IV. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC KHÔNG GIAN LÃNH THỔ

1. Phương án phát triển các khu vực vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn

a) Về phát triển kinh tế

- Đẩy mạnh phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; ưu tiên các chương trình, đề án hỗ trợ phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn; công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản.

- Triển khai hiệu quả các giải pháp để lồng ghép, ưu tiên bố trí đủ nguồn vốn ngân sách nhà nước, đồng thời huy động tối đa các nguồn lực hợp pháp để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Thực hiện có hiệu quả đề án, kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên; trong đó tập trung vào việc phát triển nông, lâm nghiệp theo hướng hàng hóa tập trung, hiệu quả; hình thành và phát triển vùng chuyên canh với quy mô hợp lý. Phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với chế biến và khoanh nuôi, bảo vệ và giữ rừng.

- Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển thương mại, dịch vụ; du lịch cộng đồng và du lịch tâm linh gắn với đặc trưng vùng, miền.

b) Về phát triển văn hóa - xã hội

Bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số phù hợp với tình hình thực tế. Gắn công tác bảo tồn di sản văn hóa với phát triển du lịch bền vững. Rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo, mở rộng dạy và học ngôn ngữ dân tộc thiểu số. Hỗ trợ đào tạo nghề và chuyển đổi nghề đối với người lao động thiếu đất sản xuất. Tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ y tế, dân số có chất lượng; giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Về xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu

Ưu tiên tập trung đầu tư hạ tầng giao thông kết nối vùng với khu vực phát triển kinh tế năng động, vùng động lực phát triển kinh tế và vùng đồng bằng. Đầu tư hệ thống giao thông nội vùng; xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu như điện, trường lớp học, y tế, hạ tầng viễn thông phục vụ sản xuất và sinh hoạt ở các xã đặc biệt khó khăn, các thôn, bản đặc biệt khó khăn; đầu tư, hỗ trợ các dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư ở vùng có nguy cơ sạt lở, lũ ống, lũ quét,...

2. Phương án phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp

a) Khu công nghiệp: Phát triển và mở rộng 12 khu công nghiệp, tổng diện tích khoảng 4.245 ha. Trong đó, có 08 khu công nghiệp đã được phê duyệt quy hoạch và bổ sung 04 khu công nghiệp mới.

b) Cụm công nghiệp: Quy hoạch, phát triển 41 cụm công nghiệp, với diện tích đất khoảng 2.067 ha.

3. Tổ chức hệ thống đô thị, nông thôn

- Định hướng phát triển đô thị: Đến năm 2030 toàn tỉnh Thái Nguyên có 15 đô thị, gồm đô thị loại I: 01; đô thị loại II: 02; đô thị loại IV: 05; đô thị loại V: 07. Trong đó, huyện Phú Bình và huyện Đại Từ trở thành thị xã.

- Định hướng phát triển nông thôn: Đến năm 2030 tỉnh Thái Nguyên có 100% xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, 100% số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; tỷ lệ người dân ở nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%.

4. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn; phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, phân bố hệ thống các điểm dân cư nông thôn

a) Tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

Phát triển các xã khu vực ngoại thành thuộc cụm thành phố Thái Nguyên - Sông Công - Phổ Yên gắn với phát triển các ngành sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản, du lịch; xây dựng một số khu đô thị mới, các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật.

Phát triển các xã thuộc các huyện Định Hóa, Phú Lương, Đồng Hỷ, Võ Nhai gắn với việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và hai hành lang đô thị Tây Bắc - Đông Nam (*Quốc lộ 3, Quốc lộ 3C*) và Đông Bắc - Tây Nam (*Quốc lộ 1B*).

Phát triển các xã của huyện Đại Từ và Phú Bình theo định hướng đô thị hóa các xã được quy hoạch là khu vực nội thị. Các xã còn lại được phát triển với vai trò là vành đai nông nghiệp và vành đai xanh của đô thị tương lai.

b) Hệ thống các điểm dân cư nông thôn

Hình thành trung tâm cụm xã trên cơ sở các xã có quy mô lớn, sản xuất phát triển hoặc tổ chức 02 - 04 xã thành một cụm ở những nơi có vị trí, điều kiện thuận lợi để góp phần đẩy mạnh quá trình đô thị hoá nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

5. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện và vùng huyện

5.1. Quy hoạch phân vùng không gian của tỉnh thành 02 vùng, gồm:

- Vùng liên huyện phía Bắc: Bao gồm 04 đơn vị hành chính là các huyện Định Hoá, Võ Nhai, Phú Lương, Đông Hỷ. Định hướng phát triển: Là vùng nông lâm nghiệp; công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản; du lịch lịch sử - văn hóa và sinh thái của tỉnh Thái Nguyên.

- Vùng liên huyện phía Nam: Bao gồm 05 đơn vị hành chính là các thành phố Thái Nguyên, Sông Công, Phổ Yên và các huyện Đại Từ, Phú Bình. Định hướng phát triển: Là vùng đô thị, công nghiệp, dịch vụ thương mại có vai trò trung tâm, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên.

5.2. Phương án phát triển vùng trọng điểm kinh tế và các trục hành lang động lực phát triển

a) Vùng trọng điểm kinh tế: Bao gồm thành phố Thái Nguyên và các khu vực tập trung công nghiệp, đô thị thuộc thành phố Sông Công, thành phố Phổ Yên, huyện Đại Từ và huyện Phú Bình. Đây là các địa phương có điều kiện thuận lợi trong việc phát triển công nghiệp, dịch vụ, đô thị tạo sức lan tỏa, phát triển các vùng khác nhằm khai thác tối đa tiềm năng và thế mạnh của tỉnh.

b) Các trục hành lang động lực giao lưu phát triển, liên kết vùng và không gian kinh tế - xã hội tỉnh

- Các hành lang phát triển chủ yếu của tỉnh Thái Nguyên gồm:

+ Hành lang đô thị, công nghiệp, dịch vụ bao gồm Quốc lộ 3, Quốc lộ 37, cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên, đường cao tốc vành đai V, tuyến đường liên kết vùng kết nối các tỉnh Thái Nguyên - Bắc Giang - Vĩnh Phúc.

+ Hành lang kết nối các thị trấn, đô thị mới, thu hút đầu tư các ngành công nghiệp khai thác tài nguyên, khoáng sản, công nghiệp chế biến và một số trung tâm dịch vụ, đầu mối kỹ thuật, trung chuyển giữa tiểu vùng phía Bắc và phía Nam của tỉnh bao gồm Quốc lộ 37 và Quốc lộ 17.

+ Hành lang khu vực Tây Bắc gắn kết chuỗi đô thị Đu - Giang Tiên - Chợ Chu bao gồm Quốc lộ 3, Quốc lộ 3C.

+ Hành lang khu vực Đông Bắc kết nối chuỗi đô thị Hóa Thượng - Quang Sơn - La Hiên - Đình Cả thông qua tuyến Quốc lộ 1B.

- Các cực tăng trưởng gồm 03 thành phố, 02 thị xã thuộc tỉnh và các thị trấn thuộc huyện.

- Khu vực khuyến khích phát triển gồm 05 đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công, thành phố Phổ Yên, huyện Đại Từ và huyện Phú Bình; các đô thị, thị trấn và các vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số thuộc vùng phía Bắc.

- Khu vực hạn chế phát triển gồm: Các khu vực quốc phòng, an ninh và các khu vực bảo tồn.

5.3. Phân bố không gian phát triển dịch vụ

a) Không gian phát triển du lịch

Phát triển các khu du lịch bao gồm: Hồ Núi Cốc; Đông Tam Đảo; Di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt An toàn khu (ATK) Định Hóa; Trung tâm dịch vụ, du lịch thành phố Thái Nguyên; Khu di tích Lý Nam Đế, Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng Hồ Suối Lạnh, thành phố Phổ Yên; khu du lịch sinh thái hồ Ghềnh Chè, thành phố Sông Công; Khu du lịch sinh thái hồ Kim Đĩnh huyện Phú Bình; Khu di tích đình, đền, chùa Cầu Muôi, huyện Phú Bình; Khu di tích Núi Vãn - Núi Vỡ huyện Đại Từ; quần thể hang Phượng Hoàng, suối Mỏ Gà, Rừng Khuôn Mảnh, các hang động trên địa bàn huyện Võ Nhai; du lịch hang, động, du lịch mạo hiểm,...

b) Khu chức năng dịch vụ tổng hợp nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, thể thao: Giai đoạn 2021 - 2030, quy hoạch, phát triển 13 khu chức năng tổng hợp, sân golf, khu dịch vụ du lịch và nghỉ dưỡng với, diện tích khoảng 927 ha.

c) Các khu vực chức năng khác

Phát triển một số khu trung tâm chuyên ngành tập trung: Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, cụm công trình khu đại học và nghiên cứu khoa học; cụm công trình Trung tâm y tế, chăm sóc sức khỏe; cụm công trình thể dục thể thao và hệ thống các di tích lịch sử - văn hóa, danh thắng được xếp hạng, một số khu phố kinh doanh trung tâm tại cụm thành phố Thái Nguyên - Sông Công - Phổ Yên.

6. Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai

Đảm bảo bố trí sử dụng đất hợp lý trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, gắn với phát triển bền vững theo hướng thích nghi và chống biến đổi khí hậu. Đến năm 2030, tổng diện tích tự nhiên là 352.196 ha, trong đó: Đất nông nghiệp khoảng 283.110 ha; đất phi nông nghiệp khoảng 66.638 ha; đất chưa sử dụng khoảng 2.448 ha.

V. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC; KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN; PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học

a) Bảo vệ môi trường

Phương án phân vùng bảo vệ môi trường theo 03 vùng:

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt: Khu bảo tồn dự trữ thiên nhiên Thần Sa - Phượng Hoàng; Khu bảo vệ cảnh quan ATK Định Hóa; Vườn Quốc Gia Tam Đảo (phần trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên); nước mặt Hồ Núi Cốc, Sông Công, Sông Cầu (nguồn nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt); Khu dân cư tập trung ở đô thị loại I (thành phố Thái Nguyên) và đô thị loại III (thành phố Phổ Yên, thành phố Sông Công).

- Vùng hạn chế phát thải: Khu vực xung quanh Hồ Núi Cốc (vùng đệm của vùng bảo vệ nghiêm ngặt); Khu dân cư tập trung ở các đô thị loại IV, V; các khu khai thác khoáng sản.

- Vùng khác: Các vùng còn lại trên địa bàn tỉnh.

b) Đa dạng sinh học: Bảo tồn, phát triển và sử dụng bền vững tài nguyên đa dạng sinh học về các nguồn gen, loài sinh vật và hệ sinh thái phong phú nhằm bảo vệ sức khỏe Nhân dân, bảo vệ môi trường và giá trị đa dạng sinh học. Tập trung bảo vệ tốt diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn lưu vực các sông lớn, đai rừng phòng hộ; bảo tồn và phát triển rừng đặc dụng; tối ưu hóa rừng sản xuất trên cơ sở khai thác hiệu quả tiềm năng rừng và đất lâm nghiệp, gắn với giải quyết việc làm cho lao động nông thôn.

2. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên

Khai thác, chế biến, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản, không làm ảnh hưởng môi trường và các danh lam, thắng cảnh trên địa bàn. Giai đoạn 2021 - 2030, tỉnh Thái Nguyên thực hiện đóng cửa các mỏ khoáng sản đã hết thời hạn, trữ lượng khai thác. Tiếp tục quy hoạch thực hiện và mở rộng các mỏ khoáng sản, mỏ vật liệu xây dựng theo quy định của pháp luật.

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

Khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên nước mặt và nước dưới đất. Tăng cường trồng rừng và bảo vệ rừng đầu nguồn, đảm bảo dòng chảy tối thiểu trên các hệ thống sông, suối. Phục hồi các nguồn nước bị ô nhiễm, xây dựng mạng quan trắc, giám sát khai thác và sử dụng tài nguyên nước; kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất, lượng khai thác không vượt qua ngưỡng giới hạn trữ lượng tiềm năng.

4. Phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu

- Xây dựng được các giải pháp trọng tâm và ưu tiên nhằm ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu đối với từng ngành, từng lĩnh vực và khu vực. Tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức cho toàn dân về tác động tiêu cực, đồng thời nâng cao ý thức và trách nhiệm của toàn dân vào các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành phòng, chống thiên tai được hình thành theo hướng đồng bộ, liên thông; 100% khu vực trọng điểm, xung yếu phòng, chống thiên tai được lắp đặt hệ thống theo dõi, giám sát.

- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, chống các loại thiên tai thường xuyên xảy ra như lũ, lũ quét, sạt lở đất, ngập úng, hạn hán và thích ứng với biến đổi khí hậu. Di dân, tái định cư cho người dân nằm trong vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng thiên tai.

- Xây dựng cắm mốc chỉ giới hành lang thoát lũ, chứa lũ; mốc cảnh báo lũ khu vực không có đê; chỉ giới khu vực dân cư tập trung hiện có trước mắt được tồn tại khu vực có đê. Xây dựng hệ thống công trình thoát lũ hạ du hồ Núi Cốc trên sông Công nhằm đảm bảo khả năng phòng, chống thoát lũ và an toàn cho hồ xả lũ.

- Xây dựng hệ thống cầu qua sông Cầu kết hợp nâng cấp đê sông Cầu trên địa bàn thành phố Thái Nguyên.

VI. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về huy động, sử dụng nguồn lực, thu hút đầu tư

- Ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư các công trình không huy động được nguồn lực xã hội hóa. Huy động nguồn lực đầu tư các dự án trọng điểm về kết cấu hạ tầng kỹ thuật như: giao thông, thủy lợi, điện, khu, cụm công nghiệp, đô thị và các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng xã hội.

- Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); tập trung thu hút phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ, chế biến nông, lâm sản có lợi thế cạnh tranh của tỉnh; các ngành mũi nhọn như: Công nghiệp điện tử, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ...

- Tập trung phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng các khu, cụm công nghiệp phía Nam, hạ tầng du lịch để thu hút đầu tư nhằm tạo đột phá trong phát triển kinh tế.

2. Giải pháp về chuyển đổi số

- Cấp ủy, chính quyền các cấp tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương, của tỉnh về chuyển đổi số.

- Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của tỉnh; đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực phục vụ quá trình chuyển đổi số.

- Quan tâm đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số; tăng cường quản lý an ninh mạng, bảo mật thông tin và an toàn dữ liệu; phòng, chống hiệu quả các hoạt động phá hoại, thâm nhập hệ thống quản lý, điều hành chính quyền điện tử; tham gia chia sẻ dữ liệu quản lý công dân trong một số lĩnh vực công trực tuyến như: Định danh điện tử, lưu trữ và truy xuất thông tin người dân.

- Huy động và lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, đề án có liên quan để thực hiện chuyển đổi số; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác thông qua các chính sách khuyến khích, thu hút doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển chuyển đổi số.

3. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước có chất lượng, đủ mạnh ở mọi lĩnh vực.

- Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu từng thời kỳ phát triển của tỉnh, phù hợp xu thế phát triển chung của vùng và cả nước.

- Xây dựng các thể chế, cơ chế, chính sách nhằm khai thác tốt nguồn lực từ đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật hiện có; thu hút cán bộ có trình độ cao, các chuyên gia giỏi, quản lý doanh nghiệp, công nhân lành nghề về làm việc tại tỉnh.

- Tăng cường đầu tư cho các lĩnh vực, loại hình giáo dục - đào tạo để nâng cao dân trí, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề của lao động; tăng nhanh tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề, nhất là đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Tăng cường liên kết các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp; áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật để nâng cao năng lực quản lý, điều hành của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đáp ứng yêu cầu của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

4. Nhóm giải pháp về môi trường; khoa học, công nghệ

- Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội; đẩy mạnh thông tin tuyên truyền về vai trò, vị trí của khoa học, công nghệ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu - ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng của tỉnh. Hỗ trợ tạo lập, quản lý và phát triển quyền sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm nông sản của tỉnh.

- Đưa khoa học, công nghệ gắn liền với sản xuất, kinh doanh sản phẩm chủ lực để nâng cao năng suất, chất lượng, đạt các tiêu chuẩn VietGap, GlobalGap để hướng tới mục tiêu xuất khẩu và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

5. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

- Xây dựng chương trình hành động và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách trên các lĩnh vực để thu hút các nguồn lực cho phát triển như: cơ chế, chính sách phát triển vùng động lực, chính sách thu hút các nhà đầu tư lớn, chính sách phát triển các ngành sản xuất sản phẩm thân thiện môi trường, chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Thường xuyên rà soát các thủ tục hành chính, xây dựng phát triển chính quyền điện tử; nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh. Nâng cao trách nhiệm, tính chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo trong thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình hợp tác với các địa phương đã ký kết, đồng thời mở rộng hợp tác với các địa phương khác.

6. Nhóm giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển các khu vực chức năng, phát triển đô thị, nông thôn

- Đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai, hồ sơ địa chính theo mô hình hiện đại, tập trung thống nhất, mang tính tích hợp. Tiếp tục tinh giản bộ máy hành chính và cải cách hành chính, đây chính là nhiệm vụ trọng tâm để xây dựng mô hình quản trị Nhà nước hiện đại. Tập trung ưu tiên việc nâng cao chất lượng bộ máy hành chính; đẩy mạnh việc thực hiện phân cấp và phân quyền trong thời gian tới.

- Tiếp tục thực hiện lộ trình di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm ra ngoài trung tâm các đô thị. Kiểm soát chặt quỹ đất rừng, tài nguyên - môi trường rừng và ổn định tỷ lệ che phủ rừng, cân bằng và chuyển hóa một phần quỹ đất nông nghiệp hiện có trong đô thị sang đất phi nông nghiệp để đáp ứng nhu cầu phát triển.

7. Thực hiện tốt công tác đảm bảo quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển.

Tiếp tục thực hiện tốt các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, các Nghị quyết, Chỉ thị, Kế hoạch, Chương trình hành động của tỉnh về nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương; các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, Nhà nước về nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự. Triển khai các biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra, hạn chế chồng chéo gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp.

8. Tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

Tổ chức công bố công khai quy hoạch bằng nhiều hình thức khác nhau theo quy định, tạo sự đồng thuận, nhất trí trong triển khai thực hiện.


Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch theo hướng đồng bộ.

Triển khai xây dựng kế hoạch hành động, thường xuyên cập nhật, cụ thể hóa các nội dung quy hoạch thành các kế hoạch theo giai đoạn 5 năm, hằng năm. Các cấp, các ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, kế hoạch phát triển bảo đảm phù hợp với quy hoạch được duyệt. Trong quá trình triển khai thực hiện, định kỳ kiểm tra, đánh giá, giám sát việc thực hiện quy hoạch theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022. 

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực X;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.


CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

